

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ CÔNG KHAI THÔNG TIN
(Số liệu chốt đến ngày 30/4/2023)

Đvt: Đồng

T	MST	TÊN NNT	Địa chỉ kinh doanh	SỐ TIỀN NỢ THUẾ ĐẾN 30/4/2023	LÝ DO CÔNG KHAI TT (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 29 NĐ số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)	GHI CHÚ
		ĐƠN VỊ CƯỠNG CHẾ (8 NNT)		351.925.667		
3602285439		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - CHẾ BIẾN GỖ HUY HOÀNG PHÁT	215/1, tổ 1, ấp Vàm, xã Thiên Tân	198.559.617	Đã bị cưỡng chế nợ thuế nhưng vẫn không chấp hành nộp hết số tiền nợ thuế.	Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3635/QĐ-CCTKV ngày 30/5/2023
3603090023		CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐIỆN CƠ - ĐIỆN LẠNH TUÔNG HÙNG	Tổ 13, KP 6, TT. Vĩnh Tân	9.255.800		Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3575/QĐ-CCTKV ngày 29/5/2023
3603545707		CÔNG TY TNHH DỪNG ANH KHOA	767, Tổ 6, ấp 4, xã Bình Lợi	55.346.561		Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3574/QĐ-CCTKV ngày 29/5/2023
3603647441		CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ XÂY DỰNG THÁI AN PHÁT	Số 09, Tổ 13, KP 3, Thị trấn Vĩnh An	22.754.977		Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3578/QĐ-CCTKV ngày 29/5/2023
3603671645		CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GỖ THANH TUẤN	Tổ 13, Ấp 2, Xã Vĩnh Tân	13.881.900		Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3573/QĐ-CCTKV ngày 29/5/2023
3603716575		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THIỆN PHƯỚC	Số 250/2, Khu C, ấp Thới Sơn, Xã Bình Hòa	14.955.300		Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3576/QĐ-CCTKV ngày 29/5/2023
3603747816		CÔNG TY TNHH HYKHACO	Khu 1, Ấp Bình Thạch, Xã Bình Hòa	10.952.962		Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3579/QĐ-CCTKV ngày 29/5/2023
3603819926		CÔNG TY TNHH 66 SON HP	Lô B10, Cụm CN Thanh Phú-Thiên Tân, ấp Ông Hường, Xã Thiên Tân	26.218.550		Cưỡng chế hóa đơn điện tử QĐ số: 3577/QĐ-CCTKV ngày 29/5/2023
NỢ THUẾ TRÊN 90 NGÀY (102 NNT)				3.007.682.718		
3603713609		Đinh Thị Thanh Duyên	Tổ 2, ấp 1, Xã Vĩnh Tân	34.495.992		
3600263750		Đinh Thị Bạch Cúc	ấp 2 xã Vĩnh Tân	22.128.483		
3600718253		Võ Thị Dung	ấp 1, Xã Vĩnh Tân	10.821.541		
3600914811		Nguyễn Thái Học	ấp 3, xã Vĩnh Tân	10.657.256		
8466390529		Vũ Văn Hùng	Tổ 6, Ấp 3, Xã Vĩnh Tân	10.656.948		
3603690694		Giáp Văn Hưng	Tổ 7, Ấp 3, Xã Vĩnh Tân	10.531.162		
3601720576		ÂU THỊ XOA	ấp 6, xã Vĩnh Tân	6.811.067		
8010125972		Cơ Sở SX Kinh Doanh gạch Nam Huy Phong	Ấp 1 xã Trị An	135.390.911		
3602447584		Nguyễn Văn Hải	ấp 1 xã Trị An	22.361.069		
3600786542		Đặng Thị Liễu	ấp 1 xã Trị An	20.673.767		
3600407882		Trần Ngọc Thanh	ấp 2 xã Trị An	7.384.035		
8189307798		Trương Minh Thành	Ấp 1 Xã Trị An	6.869.118		
8345499514		Vũ Đình Hoàng	ấp Vàm Xã Thiên Tân	29.615.307		
3603360985		Trần Huỳnh Hào	Ấp Ông Hường Xã Thiên Tân	23.662.962		

STT	MST	TÊN NNT	Địa chỉ kinh doanh	SỐ TIỀN NỢ THUẾ ĐẾN 30/4/2023	LÝ DO CÔNG KHAI TT (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 29 NĐ số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)	GHI CHÚ
15	3600899560	Đỗ Thị Mỹ Lan	ấp Ông Hoàng xã Thiện Tân	16.526.124		
16	3600873160	Nguyễn Thị Diệu Hương	ấp Ông Hoàng xã Thiện Tân	15.821.470		
17	8461885870	Hà Văn Mạnh	Ấp Vàm Xã Thiện Tân	13.316.634		
18	8267088049	Nguyễn Thị Liên	Ấp Ông Hoàng xã Thiện Tân	11.719.332		
19	8616736602	Nguyễn Thanh Sơn	Ấp Vàm Xã Thiện Tân	10.453.083		
20	3601590373	Phạm Minh Danh	Ấp Vàm Xã Thiện Tân	10.450.744		
21	3600837892	Nguyễn Minh Tuấn	92A/2 ấp Vàm xã Thiện Tân	10.112.786		
22	3603835759	Trương Hồng Tiến	Ấp 6-7 Xã Thiện Tân	9.907.344		
23	3603563054	Đỗ Ngọc Minh	Ấp VàmXã Thiện Tân	9.261.516		
24	8597637674	Huỳnh Văn Thương	Ấp VàmXã Thiện Tân	7.760.300		
25	8208904513	Hoàng Nam Chính	Ấp VàmXã Thiện Tân	7.527.336		
26	3601187164	Vũ Thị Chinh	.Xã Thiện Tân	7.177.086		
27	8649211304	Lê Thị Uyên	ĐT 768, Ấp 6+7Xã Thiện Tân	6.523.640		
28	8350312560	Bùi Thị Thu Hà	Ấp Ông HoàngXã Thiện Tân	5.950.152		
29	8075403709	Nguyễn Thị Thùy Tiên	ấp ông hoàngXã Thiện Tân	5.844.626		
30	3603464952	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	ấp VàmXã Thiện Tân	5.789.029		
31	8135859457	Đoàn Thị Ngân	Đường Tân Hiền, ấp Ông HoàngXã Thiện Tân	5.502.195		
32	8336790149	Nguyễn Dương Hưng	ấp Ông Hoàng, Xã Thiện Tân	5.500.811		
33	8560087921	Nguyễn Thị Hoa	Tổ 7, Ấp 6+7Xã Thiện Tân	4.961.745		
34	8738175721-001	Nguyễn Tuấn Đạt	Ấp VàmXã Thiện Tân	4.413.315		
35	8402044259-001	Lê Thị Thu Vân	ấp 3,Xã Thiện Tân	4.248.000		
36	3603576060	Nguyễn Trang Thanh Trúc	Ấp 6-7Xã Thiện Tân	4.027.350		
37	3600837532	Đinh Công Định	Xã Thanh Phú	61.972.752		
38	1100706760	Nguyễn Thế Thắng	Ấp 1Xã Thanh Phú	26.738.134		
39	3602316302	Đinh Văn Đình	ấp 1Xã Thanh Phú	25.906.514		
40	3602703573	Nguyễn Văn Quang	ấp 5 xã Thanh Phú	25.419.907		
41	3602703622	Trần Đức Huỳnh	ấp 5 xã Thanh Phú	24.174.682		

T	MST	TÊN NNT	Địa chỉ kinh doanh	SỐ TIỀN NỢ THUẾ ĐẾN 30/4/2023	LÝ DO CÔNG KHAI TT (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 29 NĐ số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)	GHI CHÚ
	3600255823	Đặng Thị Kim Nga	ấp 3Xã Thanh Phú	20.853.426		
	3603076798	Phan Duy Thông	Ấp 5 xã Thanh Phú	19.623.064		
	8022070573	Trần Hữu Tài	Ấp 4Xã Thanh Phú	19.615.600		
	8489620296	Nguyễn Sơn Tùng	Ấp 5Xã Thanh Phú	19.458.312		
	3600877422	Chu Diễm Phúc	ấp 1 xã Thanh Phú	19.128.412		
	3603046673	Mai Thanh Dũng	Ấp 5 xã Thanh Phú	19.015.859		
	8269713393	Nguyễn Tấn Phương	Ấp 1Xã Thanh Phú	18.037.202		
	3602316831	Hoàng Văn Việt	ấp 5Xã Thanh Phú	17.606.106		
	3600872128	Trần Văn Thảo	ấp 5Xã Thanh Phú	14.338.223		
	3603385556	Nguyễn Hữu Hoàn	Tổ 15 ấp 1Xã Thanh Phú	13.032.110		
	3600508665	Trần Lý Hòa	Ấp 1Xã Thanh Phú	11.920.996		
	3603553722	Nguyễn Thị Hương	ấp 5Xã Thanh Phú	10.736.931		
	3603680368	Trương Thị Lộc	Ấp 1Xã Thanh Phú	10.463.834		
	8192188149	Trần Hữu Việt	Tổ 8, Ấp 5Xã Thanh Phú	10.084.967		
	8270285512	Trần Văn Đồng	Tổ 6, Ấp 5Xã Thanh Phú	8.839.868		
	3600804199	Nguyễn Mỹ Nhạn	ấp 1 Xã Thanh Phú	5.315.260		
	8068112917	Nguyễn Thị Thu Dung	1964E, Ấp 5Xã Thanh Phú	4.365.858		
	3603730058	Hồ Đức Hiền	Đường N4 , Ấp 4Xã Thanh Phú	4.211.701		
	8017307611	Nguyễn Thị Thủy	ấp 1 xã Thanh Phú	4.094.340		
	3603617990	Nguyễn Thị Kim Cúc	Ấp 5Xã Thanh Phú	4.025.157		
	3600964844	Huỳnh Thị Chín	Xã Tân Bình	38.968.175		
	8240717885	Đàm Quốc Đạt	Ấp Bình ChánhXã Tân An	63.907.535		
	3602227765	Nguyễn Văn Thanh	ấp Bình trungXã Tân An	31.900.755		
	3601640666	Cơ Sở Chế Biến Gỗ Hoà Phát	ấp Thái An Xã Tân An	19.140.838		
	3603620697	Phạm Thị Ngọc Sang	Ấp 3Xã Tân An	8.291.086		
	3701205106	Vũ Văn Thụy	Tổ 10, Ấp 3Xã Tân An	7.846.811		
	8447282542	Nguyễn Văn Ngân	Tổ 10, Ấp 3Xã Tân An	7.455.970		



STT	MST	TÊN NNT	Địa chỉ kinh doanh	SỐ TIỀN NỢ THUẾ ĐẾN 30/4/2023	LÝ DO CÔNG KHAI TT (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 29 NĐ số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)	GHI CHÚ
69	8105003482	Lê Quang Hiệp	Ấp Bình Chánh Xã Tân An	6.523.640	Nợ thuế trên 90 ngày	
70	3700423278	Cửa Hàng Gas-Bếp Gas Ngọc Trâm	ấp 1, Xã Tân An	6.086.663		
71	3603544502	Mai Văn Quốc	Ấp 2 Xã Tân An	5.835.222		
72	3600769258	Trần Ngọc Bình	xã Tân An	4.803.452		
73	3600720157	Trần Thiện Khiêm	ấp 1, Xã Tân An	4.772.014		
74	3603400204	Trần Thái Trung	Ấp Thái An, Xã Tân An	4.316.769		
75	8072825685	Phạm Văn Du	Ấp 3 xã Phú Lý	10.727.098		
76	3600256672	Nguyễn Thị Tuyết	Chợ Lý Lịch Xã Phú Lý	8.904.048		
77	3600257098	Dương Thị Liễm	ấp Lý Lịch xã phú Lý	7.851.094		
78	8333306038	Đỗ Thị Thu	Ấp Lý lịch 2 Xã Phú Lý	6.767.625		
79	3600363730	Lê Quang Thu	ấp Đồi _ Lâm trường Mã Đà , Xã Mã Đà	645.317.694		
80	3600879652	Trần Thị Nhãn	ấp 1 xã Mã Đà	23.955.836		
81	8102821313	Nguyễn Quốc Hùng	Ấp 2 Xã Bình Lợi	8.914.653		
82	3603067338	Nguyễn Thanh Hà	Ấp Bình Thạch Xã Bình Hòa	8.430.340		
83	3601012206	Nguyễn Đình Lê Hằng	Ấp Bình Thạch Xã Bình Hòa	7.170.380		
84	8737743890-001	Trần Thị Mỹ Linh	Khu 2, Ấp Bình Thạch Xã Bình Hòa	6.912.468		
85	3603206285	Phan Thái Hùng	Ấp Bình Thạch Xã Bình Hòa	4.858.992		
86	8240336128-001	Hoàng Anh Tuấn	Ấp Bình Thạch Xã Bình Hòa	4.808.100		
87	3603359926	Đào Văn Công	Kp2Thị trấn Vĩnh An	54.981.568		
88	3602366374	Trần Đình Duy	Kp8Thị trấn Vĩnh An	39.880.534		
89	3603302831	Đỗ Văn Hiếu	Kp5Thị trấn Vĩnh An	34.059.101		
90	3603681883	Trần Tấn Tài	Tổ 10, Kp6Thị trấn Vĩnh An	31.440.925		
91	3603280673	Tô Thị Tuyết Vương	Kp6 TT Vĩnh An	22.731.784		
92	3603455161	Nguyễn Thế Công	kp2Thị trấn Vĩnh An	22.557.324		
93	8051405496	Nguyễn Văn Minh	Kp6Thị trấn Vĩnh An	21.669.301		
94	3600839674	Hoàng Thị Thương Huyền	KP8 TT Vĩnh An	20.726.142		
95	8189303190	Hà Minh Tuấn	KP5Thị trấn Vĩnh An	18.397.947		

STT	MST	TÊN NNT	Địa chỉ kinh doanh	SỐ TIỀN NỢ THUẾ ĐẾN 30/4/2023	LÝ DO CÔNG KHAI TT (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 29 NĐ số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)	GHI CHÚ
96	3600442904	Nguyễn Thị Thu Thủy	KP2 _ TT Vĩnh an	17.106.282		
97	3600276100	Nguyễn Thị Vân Thủy	Khu Phố 5Thị trấn Vĩnh An	16.069.148		
98	8496095175	Hà Trọng Tuấn	Tổ 21, KP2Thị trấn Vĩnh An	16.064.805		
99	3601231952	Nguyễn Đình Thi	KP 5 TT Vĩnh An	15.971.857		
100	3600635060	Phạm Thị Hồng Minh	Khu Phố 5 TT Vĩnh An	15.898.866		
101	3600734368	Trần Văn Đức	Kp6Thị trấn Vĩnh An	15.649.204		
102	3600266102	Võ Thị Huỳnh Trang	khu phố 5 TT Vĩnh An	15.484.758		
103	3603076974	Hoàng Thị Thanh Thủy	KP6 TT Vĩnh An	15.363.096		
104	3600768494	Lê Thị Nhiên	KP5 TT Vĩnh An	14.937.209		
105	3600266688	Lê Duy Hoạch	khu phố 5Thị trấn Vĩnh An	14.935.862		
106	3600768430	Nguyễn Văn Tiếp	KP6 TT Vĩnh An	14.825.899		
107	3603473481	Đặng Thị Hồng	tổ 3 kp2Thị trấn Vĩnh An	14.776.606		
108	3600768504	Phạm Thị Đoài	KP5 TT Vĩnh An	14.514.087		
109	3603434034	Nguyễn Thị Thêu	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	14.245.415		
110	3603434041	Dương Thị Bình	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	14.245.415		
111	3603434108	Nguyễn Thị Phương	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	14.245.415		
112	3603434193	Bùi Thị Phần	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	14.245.415		
113	3603434122	Nguyễn Thị Hường	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	14.245.415		
114	3601830730	Vũ Thị Thúy	số 19 đường chợ số 1 tổ 24 kp5	14.080.825		
115	3603434059	Phạm Thị Hồng	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	14.059.420		
116	3600675546	Dương Tự Nam	KP 5 TT Vĩnh An	14.029.904		
117	3602500929	NGUYỄN THỊ KIM	KP5Thị trấn Vĩnh An	14.002.499		
118	3603434080	Nguyễn Thị Nhung	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	13.851.522		
119	3603434066	Nguyễn Thị Vân Thủy	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	13.687.430		
120	8574240993	Nguyễn Thanh Tâm	63 Nguyễn Tất ThànhThị trấn Vĩnh An	13.685.260		



STT	MST	TÊN NNT	Địa chỉ kinh doanh	SỐ TIỀN NỢ THUẾ ĐẾN 30/4/2023	LÝ DO CÔNG KHAI TT (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 29 NĐ số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)	GHI CHÚ
121	3600276118	Vũ Thị Nam	Khu Phố 5Thị trấn Vĩnh An	13.417.663		
122	8132108283	Cao Thị Khuyên	KP6Thị trấn Vĩnh An	13.334.977		
123	3600694796	Trần Thị Hồng Oanh	Kp1 TT Vĩnh An	13.116.025		
124	3603434027	Trần Thu Thủy	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	12.796.738		
125	3603434002	Nguyễn Thị Vân Trang	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	12.611.034		
126	3603434179	Phạm Thị Nhung	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	12.531.671		
127	3603434267	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	12.500.620		
128	3600681814	Phạm Thị Hường	Khu Phố 8 TT Vĩnh An	12.425.875		
129	8507934650	Nguyễn Văn Hào	Khu phố 1Thị trấn Vĩnh An	12.315.845		
130	3603434115	Phạm Thị Ngoan	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	12.315.155		
131	3600266173	Lê Thị Kim Nga	Kp5Thị trấn Vĩnh An	12.225.644		
132	3603403886	Nguyễn Phước Đại	Kp8Thị trấn Vĩnh An	12.090.611		
133	3600768543	Nguyễn Trọng Thoại	KP5 TT Vĩnh An	11.917.750		
134	3603433961	Đồng Thị Hạnh	Chợ Vĩnh An KP 5, Thị trấn Vĩnh An	11.892.688		
135	3600408195	Lê Thị Vui	Khu phố 5 _ TT Vĩnh an	11.828.478		
136	3603433979	Nguyễn Thị Nguyệt	Chợ Vĩnh An, KP 5, Thị trấn Vĩnh An	11.811.375		
137	3600667979	Phạm Thị Hương	KP 5 TT Vĩnh An	11.785.635		
138	3603434073	Nguyễn Thị Ty	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	11.160.619		
139	3603434147	Võ Thị Thu Hà	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	11.006.843		
140	8559198641	Nguyễn Khắc Thơm	KP3Thị trấn Vĩnh An	10.502.972		
141	3600266261	Ông Thị Thương	Kp5Thị trấn Vĩnh An	10.092.402		
142	3603583861	Trần Thị Kim Lan	Kp5Thị trấn Vĩnh An	9.972.007		
143	3600866082	Lê Hồng Hải	KP3 TT Vĩnh An	8.865.219		
144	3600667993	Dương Thị Bình	Chợ Vĩnh AnThị trấn Vĩnh An	8.832.016		
145	3600414093	Hồ Thị Thanh Tâm	Chợ Vĩnh an _ Khu phố 5 TT Vĩnh an	8.709.401		
146	8292230228	Nguyễn Thị Kim Liên	Kp5Thị trấn Vĩnh An	8.328.173		
147	3600266543	Lê Thị út	khu phố 5 thị trấn Vĩnh An	8.325.430		
148	3603434098	Nguyễn Thị Nhung	Chợ Vĩnh An kp5Thị trấn Vĩnh An	8.298.483		

STT	MST	TÊN NNT	Địa chỉ kinh doanh	SỐ TIỀN NỢ THUẾ ĐẾN 30/4/2023	LÝ DO CÔNG KHAI TT (theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 29 ND số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)	GHI CHÚ
149	3600408170	Dương Thị Hằng	Khu phố 5 _ TT Vĩnh an	8.181.361		
150	3600407642	Nguyễn Thị Thu Nga	Khu phố 5 _ TT Vĩnh an	7.887.228		
151	3603030176	Tạp Hoá Thuỷ Hạnh	KP5Thị trấn Vĩnh An	7.309.050		
152	8352003092	Nguyễn Đức Chính	171 Quang Trung KP3Thị trấn Vĩnh An	7.234.223		
153	8065137504	Đỗ Thị Thu Hà	Tổ 7, KP 5Thị trấn Vĩnh An	7.067.483		
154	8333577888	Lê Thọ Toàn	Tổ 9, KP2, Thị trấn Vĩnh An	7.025.444		
155	3600266374	Nguyễn Thị Bích Thùy	khu phố 5 thị trấn Vĩnh An	6.928.283		
156	8364369133	Lê Thị Nga	Kp5Thị trấn Vĩnh An	6.885.850		
157	3603701995	Nguyễn Văn Linh	Tổ 4, KP7Thị trấn Vĩnh An	6.471.435		
158	8068111550	Lê Thị Bích Thùy	KP 5, Thị trấn Vĩnh An	6.284.058		
159	8114161358	Võ Minh Thắng	KP 5, Thị trấn Vĩnh An	5.960.922		
160	8092197012	Phan Xuân Kinh	Tổ 14, KP6, Thị trấn Vĩnh An	5.929.230		
161	3600771049	Vũ Công Hải	KP4 TT Vĩnh An	5.874.641		
162	3600765729	Đinh Ngọc Xuân	KP2 TT Vĩnh An	5.621.945		
163	3600560048	Hồ Thị Hồng	Chợ Vĩnh an, Thị trấn Vĩnh An	5.471.519		
164	8284806878	Ngọc Mai	KP 5, Thị trấn Vĩnh An	5.428.470		
165	3600860690	Đào Văn Du	KP 3, TT Vĩnh An	5.134.628		
166	3600915300	Nguyễn Văn Hoan	KP 5, Thị trấn Vĩnh An	5.083.224		
167	3603453830	Nguyễn Văn Thoại	47 Nguyễn Tất Thành tổ 10 KP 5, Thị trấn Vĩnh	5.058.030		
168	3600765630	Phạm Thị Diệp	KP 3, TT Vĩnh An	4.944.078		
169	3602366494	Phạm Hiền Năng	Kp8, Thị trấn Vĩnh An	4.782.525		
170	3600267314	Nguyễn Thị Hương	khu phố 5,Thị trấn Vĩnh An	4.747.923		
171	3600269209	Nguyễn Gia Thắng	Khu phố 5, TT Vĩnh An	4.263.609		
172	3600270451	Lê Thị Danh	Khu phố 5,Thị trấn Vĩnh An	4.067.217		
173	8083017619	Phạm Thị Chín	Tổ 3, KP 6,Thị trấn Vĩnh An	4.062.044		
TỔNG CỘNG (191 NNT)				3.359.608.385		

Vĩnh Cửu, ngày 04 tháng 6 năm 2023

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Người lập biểu

Duyệt biểu



Lê Thị Hằng

Lê Thanh Long

Nguyễn Thị Lộ An